

# Thuế Môi Trường tại Việt Nam

## Giải quyết vấn đề môi trường và thâm hụt ngân sách Nhà nước

### Thách thức

Việt Nam là một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á với tốc độ tăng trưởng trung bình 5,91% trong giai đoạn 2011- 2015. Tuy nhiên, sự tăng trưởng tại Việt Nam đã khiến các-bon tăng cao, trở thành áp lực đối với môi trường, tăng khí thải, ô nhiễm tiếng ồn và gặp vấn đề trong xử lý chất thải rắn và nước thải. Là một quốc gia thu nhập trung bình thấp, Việt Nam cần đẩy nhanh nỗ lực hướng tới một nền kinh tế xanh.

Trong bối cảnh này, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã yêu cầu trong năm 2004, luật thuế môi trường sẽ được giới thiệu vào năm 2012. Thuế môi trường là một phần của công cụ kinh tế bao gồm giấy phép thị trường, hệ thống hoàn trả, trợ cấp và bảo lãnh thực hiện. Ưu điểm của công cụ kinh tế là sử dụng các tín hiệu thị trường (giá cả) chứ không phải là quy định để tạo ra động lực cho người tiêu dùng, nhà sản xuất và nhà cung cấp dịch vụ để chuyển sang sản xuất và tiêu thụ thân thiện với môi trường. Họ không thay thế mà là bổ sung và tăng cường quy định cũng như các phương pháp tiếp cận chính sách tương ứng.

### Phương pháp tiếp cận

Sự hợp tác phát triển Việt-Đức trong văn bản tài chính công có thể xây dựng thêm trên 20 năm quan hệ đối tác tin cậy với Bộ Tài chính, là 1 phần của Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô từ năm 2005-2015/ Từ năm 2015, Chương trình "Cải cách kinh tế vĩ mô / Tăng trưởng xanh" xây dựng dựa trên thành tích của các chương trình trước đó và tập trung nhiều hơn về các chủ đề tăng trưởng xanh. Trong bối cảnh này, chương trình đã giúp Bộ Tài chính với thiết kế thuế môi trường bao gồm các định nghĩa của các đối tượng chịu thuế và mức thuế phù hợp. Hơn nữa, những câu hỏi liên quan đến việc chấp nhận chính trị, tác động môi trường, gánh nặng hành chính cũng như tác động đến kinh tế và xã hội cũng cần phải được giải quyết.

Tính năng quan trọng trong hỗ trợ thiết kế luật thuế môi trường là đã chuyên gia hiểu biết quốc tế thành công qua các chuyên gia quốc tế về thuế môi trường cũng như thông qua trình thảo luận tương tác với đối tác Việt Nam mà cầu nối thông tin liên lạc chính là các cán bộ quốc gia GIZ.

Khi pháp luật Việt Nam yêu cầu đánh giá tác động pháp lý đối với mỗi luật, Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô đã hợp tác với Viện Nghiên cứu Phát triển (Đại học Sussex), Đại học Copenhagen và Viện quản lý kinh tế Trung ương Việt Nam hỗ trợ Vụ Chính sách thuế Việt Nam để ra mắt phương thức đánh giá tác động. Những ảnh hưởng khác nhau về kinh tế xã hội và môi trường của việc đánh thuế được phân tích bằng cách sử dụng mô hình cân bằng tính toán chung.

<b>Tên dự án</b>	Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô/ Tăng trưởng xanh
<b>Được ủy quyền bởi</b>	Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức
<b>Tại</b>	Việt Nam
<b>Cơ quan thực thi</b>	Bộ Tài chính (MOF)
<b>Thời gian</b>	2014 – 2018

### Tác động

Sau nhiều cuộc thảo luận và sửa đổi, quốc hội Việt đã thông qua luật môi trường vào giữa tháng 11 năm 2010 với ủng hộ lớn. Khi luật có hiệu lực từ năm 2012, Việt Nam đã thành công trong việc trở thành nước đi tiên phong trong khu vực Đông Nam Á về thuế môi trường. Việc thu thuế môi trường của chính phủ Việt Nam không chỉ về năng lượng từ nhiên liệu tinh chế và than mà còn về các chất độc hại môi trường như chất Hydrochloro-fluorocarbon (HCFC), thuốc trừ sâu được lựa chọn và túi nilong. Các mức thuế suất được xác định bởi Quốc hội trong từng thời kỳ.

Các luật thuế môi trường có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Đã có bảng phạm vi tỷ lệ thuế trong luật thuế môi trường. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về thuế suất trong năm 2011, trong đó hầu hết các mức thuế suất thực hiện là ở mức giá sàn, mức thuế suất của than là thấp hơn mức sàn và ba đối tượng có tỷ lệ cao hơn so với mức sàn, nhưng không vượt quá mức trần trong khung quy định trong luật thuế môi trường. Các mức thuế suất ban đầu khá thấp và đem lại tác động hạn chế, một chính sách công cụ mới đã được giới thiệu có thể tăng tầm quan trọng trong những năm tiếp theo.

Hiệu quả rõ rệt nhất của pháp luật thuế môi trường là: trong giai đoạn đầu có quan sát thấy trong việc sử dụng túi nhựa qua dân số: tuy nhiên hiện nay người tiêu dùng sử dụng túi nilong ít hơn, nhiều trong số họ sử dụng túi có thể sử dụng lại hoặc hộp để sử dụng cho thực phẩm và các việc khác. Người bán hiện nay có ý thức hơn trong việc sử dụng túi nilong và đồng thời cũng nhắc nhở khách hàng sử dụng hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp nhỏ vẫn cung cấp túi nilong cho khách hàng, vì họ thà nhận được ít lợi nhuận hơn so với mất khách hàng. Bên cạnh đó, sản phẩm thay thế cho túi nilong vẫn còn hạn chế hoặc không phổ biến, đặc biệt là ở miền Bắc. Thực tế này cho thấy khó khăn khi nỗ lực hạn chế trong việc sử dụng túi nilong.

gây ảnh hưởng thay thế theo hướng không mong muốn.

Đưa thuế môi trường vào lĩnh vực xăng dầu làm tăng nhẹ giá cả trong hàng hoá, dẫn đến chi phí sản xuất và giá cả thành sản phẩm cao hơn. Đây là dấu hiệu cho thấy khi đưa thuế môi trường tới thị trường, doanh nghiệp và người tiêu dùng cũng như công dân nhận thức được thực tế họ đang sử dụng sản phẩm có hại cho môi trường, vì vậy họ sẽ tiêu thụ ít hơn.

Tháng 12 năm 2014, đánh giá tác động đầu tiên được tiến hành với sự hỗ trợ từ các Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô/ tăng trưởng xanh. Đánh giá cho thấy Luật đã có những tác động không thuận lợi tới kinh tế và xã hội, phản ánh trong GDP giảm nhẹ (0,2%), sản lượng khu vực (9,1% năm 2012 và 9,5% trong năm 2013) và xóa đói giảm nghèo có tốc độ chậm hơn (11,1% năm 2012 lên 9,8% năm 2013), tuy nhiên đã tác động tích cực đối với môi trường thông qua việc giảm lượng khí thải carbon (giảm khoảng 1,7%). Thu nhập quốc khố cũng đã tăng từ tiền thu thuế môi trường. Trong số các loại thuế môi trường khác nhau, thuế cho các nhiên liệu lỏng tinh chế là nguồn chủ đạo của doanh thu thuế môi trường.

Tỷ lệ đói nghèo vẫn giảm, nhưng với tốc độ chậm hơn so với khi không có thuế môi trường. Việc phân phối thu nhập ở Việt Nam dường như được cải thiện đôi chút (giảm khiêm tốn trong chỉ số GINI là 0,4202 thay vì 0,4203).

Tỷ lệ thuế môi trường đối với than được thiết lập không đáng kể và thấp hơn đáng kể so mức thuế môi trường cho các nhiên liệu tinh chế. Trên thực tế, lượng khí thải CO<sub>2</sub> từ mỗi đơn vị năng lượng than là cao hơn đáng kể so với từ nhiên liệu tinh tế, điều này có thể

Năm 2015, tỷ lệ thuế môi trường đã tăng lên. Nhà chính sách mong đợi sẽ đem lại tác động đáng kể đến hoạt động của các doanh nghiệp và người tiêu dùng cũng như thu nhập quốc khố. Bài học ở đây là tầm quan trọng của việc giới thiệu các công cụ chính sách mới phù hợp, ngay cả khi ban đầu tác động của nó có thể thấp, tuy nhiên nó sẽ mở đường cho việc sử dụng hiệu quả hơn các công cụ tiếp sau. Như hiện nay thâm hụt ngân sách là mối quan tâm hàng đầu đối với chính phủ Việt Nam và được dự kiến rằng mức thuế môi trường sẽ được tăng thêm sau khi đánh giá về tác động hiện nay. Đây chính là một trong những mục tiêu của thuế môi trường: đánh thuế sử dụng tài nguyên thiên nhiên thay vì đánh thuế lao động.

Nhìn chung, Việt Nam dường như đang đi đúng hướng: Bên cạnh Luật chung về bảo vệ môi trường, có hiệu lực từ năm 1994, gần đây Chính phủ đã thông qua một loạt các Luật, Quy định và Nghị định cụ thể hơn bao gồm chiến lược Quốc gia về bảo vệ môi trường 2010- 2020. Sau sự ra đời của luật về thuế môi trường vào năm 2012, hợp phần cải cách chính sách tài chính xanh thuộc Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô/ Tăng trưởng xanh đã hỗ trợ Bộ Tài chính xây dựng Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh về vấn đề tài chính cũng như đưa ra Nghị định về chi phí bảo vệ môi trường cho chất thải, chất thải rắn, khí thải và khai thác khoáng sản. Dự kiến, việc thực hiện và đánh giá tác động cho luật thuế môi trường sẽ được tiến hành cuối năm 2016, đầu năm 2017 và theo sau đó có thể là Luật sửa đổi để tối đa hoá tác động như dự kiến.